

CHÍNH PHỦ
Số: 60/2010/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/PL-UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi chung là Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng là những hành vi do các tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý vi phạm quy định của pháp luật về hàng không dân dụng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm:

- Vi phạm quy định về tàu bay;
- Vi phạm quy định về cảng hàng không, sân bay;
- Vi phạm quy định về nhân viên hàng không;
- Vi phạm quy định về hoạt động bay;
- Vi phạm quy định về hoạt động vận chuyển hàng không và hàng không chung;
- Vi phạm quy định về an ninh hàng không.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác tại cảng hàng không, sân bay bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tương ứng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.
2. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.
3. Đối với người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.
2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải do người có thẩm quyền quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16 và những người được ủy quyền theo Điều 18 Nghị định này thực hiện.
3. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trong lĩnh vực hàng không dân dụng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Các hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt tiền có thể giảm xuống thấp hơn mức trung bình nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức phạt tiền có thể lên cao hơn mức trung bình nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng với mức tối đa

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;

d) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại;

đ) Bị cấm vận chuyển thương mại bằng đường hàng không đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng là một năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm về giá, phí, lệ phí hàng không, xây dựng công trình phục vụ hoạt động hàng không dân dụng hoặc xây dựng công trình khác ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng là hai năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

3. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

4. Trong thời hạn được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện hành vi vi phạm mới trong lĩnh vực hàng không dân dụng hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

5. Quá các thời hạn nói trên thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Chương II

HÀNH VI, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 7. Vi phạm các quy định về tàu bay

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Hút thuốc trong buồng vệ sinh hoặc những nơi không được phép trên tàu bay;
- b) Hành khách sử dụng các loại thiết bị điện tử, thiết bị thu phát sóng trên tàu bay khi không được phép;
- c) Hành khách không tuân theo hướng dẫn về bảo đảm trật tự, an ninh, an toàn hàng không, phòng dịch của thành viên tổ bay;
- d) Trộm cắp, chiếm đoạt đồ vật, trang bị, thiết bị hoặc tài sản trên tàu bay.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Hành khách sử dụng trái phép trang bị, thiết bị an toàn trên tàu bay;
- b) Làm hư hỏng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Thành viên tổ lái không mang đầy đủ giấy tờ, tài liệu theo tàu bay theo quy định;
- b) Thành viên tổ bay sử dụng thiết bị điện tử, thiết bị thu phát sóng trên tàu bay khi không được phép;
- c) Người khai thác tàu bay sử dụng hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn trên tàu bay nằm trong danh mục cấm sử dụng, hạn chế sử dụng tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Mở cửa thoát hiểm tàu bay đang khai thác trái quy định;
- b) Thành viên tổ bay sử dụng ma túy trên tàu bay;
- c) Người khai thác tàu bay bảo dưỡng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay tại cơ sở bảo dưỡng không được phê chuẩn;
- d) Người khai thác tàu bay không thực hiện đúng theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay đã được cấp;
- đ) Người khai thác tàu bay không thực hiện đúng theo Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay đã được cấp;
- e) Người khai thác tàu bay đưa tàu bay vào khai thác với trang bị, thiết bị của tàu bay không có chứng chỉ phù hợp theo quy định;
- g) Sử dụng tàu bay theo hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật;
- h) Tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay được sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu vào Việt Nam không có hoặc không phù hợp với Giấy chứng nhận loại tàu bay tương ứng do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;
- i) Cơ sở cung cấp dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay và trang bị, thiết bị trên tàu bay không thực hiện đúng theo Giấy phép hoạt động đã được cấp.
- k) Người khai thác tàu bay không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba hoặc mua không đến giới hạn trách nhiệm quy định.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Người khai thác tàu bay không thực hiện đúng theo Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay đã được cấp;
- b) Người khai thác tàu bay sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch, dấu hiệu đăng ký tàu bay không đúng quy định;
- c) Người khai thác tàu bay bảo dưỡng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay không theo chương trình bảo dưỡng đã được phê chuẩn;
- d) Người khai thác tàu bay sử dụng vào hoạt động hàng không dân dụng tàu bay, động cơ, cánh quạt và phụ tùng tàu bay được nhập khẩu với mục đích làm đồ dùng học tập hoặc phục vụ hoạt động phi hàng không;
- đ) Người khai thác tàu bay lắp đặt thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay mà không có Giấy phép lắp đặt;
- e) Người khai thác tàu bay bố trí không đủ số lượng thành viên tổ bay thực hiện chuyến bay theo quy định;
- g) Người khai thác tàu bay không thực hiện đúng quy định về giám sát an toàn, an ninh đối với việc khai thác tàu bay;
- h) Nhập khẩu tàu bay không theo quy định về tuổi tàu bay.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Người khai thác tàu bay đưa tàu bay vào khai thác không có Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch;
- b) Cơ sở cung cấp dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay và trang bị, thiết bị trên tàu bay mà không có Giấy phép hoạt động;
- c) Người khai thác tàu bay đưa vào khai thác tàu bay mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay;

d) Người khai thác tàu bay khai thác tàu bay nhằm mục đích thương mại mà không có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay;

đ) Người khai thác tàu bay không tổ chức giám sát an toàn, an ninh đối với việc khai thác tàu bay theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận, Giấy phép, chứng chỉ hành nghề đến 3 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, d, đ, i khoản 4, điểm a, c khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc tái xuất tàu bay đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 5 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về cảng hàng không, sân bay

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi hành vi hút thuốc ở những nơi không được phép trong khu bay hoặc khi điều khiển, vận hành phương tiện trong khu bay.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Nuôi, thả chim, gia súc, gia cầm trong cảng hàng không, sân bay;

b) Đặt, sử dụng trái phép vật, động vật để thu hút chim và động vật trong cảng hàng không, sân bay;

c) Đổ vật liệu, phế thải, khoan, đào trái phép trong cảng hàng không, sân bay.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị trong khu bay không đúng quy định, quy trình, quy tắc điều khiển, vận hành, khai thác;

b) Người khai thác phương tiện, trang bị, thiết bị bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, trang bị, thiết bị trong cảng hàng không, sân bay không đúng quy định hoặc không chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh, phòng, chống, cháy nổ;

c) Doanh nghiệp cảng hàng không không báo cáo số liệu thống kê về khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định;

d) Làm hư hỏng phương tiện, trang bị, thiết bị trong cảng hàng không, sân bay;

đ) Tổ chức, cá nhân kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay để phương tiện, trang bị, thiết bị, vật phẩm nguy hiểm, chất dễ cháy, chất nổ trong cảng hàng không, sân bay không đúng quy định;

e) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phi hàng không không niêm yết công khai giá dịch vụ phi hàng không.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, gây hư hại, làm biến dạng, di chuyển vật đánh dấu, vật ngăn cách, vật ghi tín hiệu, vật bảo vệ tại cảng hàng không, sân bay;

b) Làm hư hại các ký hiệu, thiết bị nhận biết cảng hàng không, sân bay;

c) Làm hư hỏng phương tiện, trang bị, thiết bị hàng không trong khu bay;